

Số: 39/2025/QĐST-VDS

Gia Lai, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Huỳnh Long Nhiên

Thư ký phiên họp: Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai tham gia phiên họp:
Ông Nguyễn Hoàng Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 33/2025/TLST-VDS ngày 04 tháng 11 năm 2025, về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số: 141/2025/QĐST-VDS ngày 10 tháng 12 năm 2025.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Võ B1, sinh ngày 01/01/1974

Căn cước công dân số: 052074011058 do Cục trưởng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/5/2022.

Địa chỉ: Khu phố N, phường H, tỉnh Gia Lai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị T, sinh ngày 01/01/1971; Căn cước công dân số: 052171016622 do Cục trưởng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/4/2022.

Địa chỉ: Khu phố N, phường H, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai ngày 05 tháng 11 năm 2025, ông Võ B1 trình bày:

Ông Võ B1 và bà Võ Thị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là phường H, tỉnh Gia Lai) theo giấy chứng nhận kết hôn quyền số 02, số 291 ngày 16/10/1991. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, ông B1 khai sinh năm 1971 và bà T khai sinh năm 1971 và đã được UBND xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn ghi tên chồng Võ Khắc B, sinh năm 1971; vợ Võ Thị T, sinh năm 1971. Sau khi kết hôn vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc và có chung với nhau 03 người con.

Do năm sinh trên Giấy chứng nhận kết hôn không trùng với các giấy tờ tùy thân và theo căn cước công dân của ông Võ B1, sinh ngày 01/01/1974. Như vậy, tại thời điểm kết hôn ông B1 chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay ông Võ B1 yêu cầu Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật theo giấy chứng nhận kết hôn quyền số 02, số 291 được UBND xã H, huyện H cấp ngày 16/10/1991, đồng thời yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân cho vợ chồng ông bà theo như giấy tờ tùy thân hiện nay là Võ B1 - sinh ngày 01/01/1974 và Võ Thị T, sinh ngày 01/01/1971 kể từ ngày ông B1 đủ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật. Khi Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật, về con chung và tài sản chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Võ Thị T trình bày: Bà thống nhất như trình bày trên của ông B1, không có ý kiến gì bổ sung thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đúng quy định. Quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Võ B1 về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật theo giấy công nhận kết hôn quyền số 02, số 291 do UBND xã H, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là phường H, tỉnh Gia Lai) cấp ngày 16/10/1991. Đồng thời công nhận quan hệ hôn nhân cho Võ B1 - sinh ngày 01/01/1974 và Võ Thị T, sinh ngày 01/01/1971 kể từ ngày 01/01/1994 là ngày ông B1 đủ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật.

Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Võ B1 phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Võ B1 có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân từ thời điểm ông B1 đủ tuổi kết hôn. Giấy công nhận kết hôn do UBND xã H, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là phường H, tỉnh Gia Lai) cấp ngày 16/10/1991. Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai, tỉnh Gia.

[2] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Kèm theo đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật ông B1 nộp cho Tòa án gồm bản sao căn cước công dân Võ B1 - sinh ngày 01/01/1974; bản sao căn cước công dân Võ Thị T, sinh ngày 01/01/1971;

đối chiếu với đơn xin xác nhận ngày 20/9/2025 của ông Võ B được Công an phường H, căn cước công dân số 052074011058 cấp ngày 15/5/2022 và Võ Khắc B1, sinh năm 1971 trên giấy chứng nhận kết hôn số 291, quyền số 02, cấp ngày 16/10/1991 là 01 người tức là ông Võ B1, sinh ngày 01/01/1974.

Theo lời khai của những người con ông Võ B1 đều xác nhận ông Võ B1 trên giấy tờ tùy thân và ông Võ Khắc B1 đều là 01 người và đều có năm sinh là 1974; giấy khai sinh của ông Võ B1, sinh ngày 01/01/1974; đối chiếu với các giấy tờ tùy thân hiện nay có căn cứ xác định thời điểm đăng ký kết hôn ngày 16/10/1991 ông Võ B1 chưa đủ tuổi được đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Do đó có căn cứ xác định Giấy công nhận kết hôn quyền số 02, số 291 do UBND xã H, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là phường H, tỉnh Gia Lai) cấp ngày 16/10/1991 ghi tên chồng Võ Khắc B1, sinh năm 1971, vợ Võ Thị T, sinh năm 1971 là trái pháp luật, nay ông B1 yêu cầu Tòa án hủy kết hôn nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp: Vợ chồng B1 bà T tự nguyện đi đến hôn nhân, từ khi kết hôn đến nay ông B1, bà T vẫn chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại phường H (nay là phường H, tỉnh Gia Lai) có với nhau 03 người con. Ông B1, bà T đều có yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân từ khi ông B1 đủ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ các giấy tờ tùy thân hiện nay của ông Võ B1 - sinh ngày 01/01/1974, như vậy tính đến ngày 01/01/1994, ông Võ B1 Đ 20 tuổi, là đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 2, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Võ B1 - sinh ngày 01/01/1974 và bà Võ Thị T, sinh ngày 01/01/1971 kể từ ngày 01/01/1994.

[4] Về lệ phí sơ thẩm việc dân sự: Ông Võ B1 phải chịu 300.000 đồng.

Ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai tại phiên họp là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 367; 369; 372 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 6 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959;

- Căn cứ Điều 8; Điều 10; Khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 2; Điều 3; Điều 4 của Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-

TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Võ Bình .

1.1 Hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Giấy công nhận kết hôn quyền số 02, số 291 do UBND xã H, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là phường H, tỉnh Gia Lai) cấp ngày 16/10/1991 đã cấp cho ông Võ Khắc B1 (Võ B1) và bà Võ Thị Thắm .1

1.2 Công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Võ B1, sinh ngày 01/01/1974 và bà Võ Thị T, sinh ngày 01/01/1971 kể từ ngày 01/01/1994.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Võ B1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí ông B1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004799 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp họ không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn đó được tính từ ngày họ nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND khu vực 6 - Gia Lai;
- UBND phường Hoài Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ VDS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Huỳnh Long Nhiên